

Số: /QĐ-UBND

Tứ Kỳ, ngày tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng
xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 67/TTr-KT&HT ngày 08 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030 (*Hồ sơ do Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn lập, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định, trình duyệt*) với nội dung chính sau:

I. Hồ sơ:

- Tên gọi: Quy hoạch chung xây dựng xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030;

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ;

- Cơ quan tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn - Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương.

- Hồ sơ gồm: 08 bản vẽ quy hoạch, Thuyết minh tổng hợp, Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch và các văn bản kèm theo.

II. Nội dung của đồ án quy hoạch:

1. Vị trí, quy mô quy hoạch

Xã Quang Phục thuộc khu vực trung tâm huyện Tứ Kỳ; vị trí ranh giới có tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Bình Lãng và xã Tái Sơn;
- Phía Đông giáp xã Chí Minh và thị trấn Tứ Kỳ;
- Phía Nam giáp xã Quang Khải;
- Phía Tây giáp xã Tân Kỳ.

Quy mô nghiên cứu toàn bộ địa giới hành chính xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Tổng diện tích toàn xã 685,76 ha; bao gồm 06 thôn: Thị Tứ, Bích Đồng, Bích Cẩm, Thái An, An Phòng Giang và Mạc Xá.

2. Mục tiêu của đồ án

- Cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ đến năm 2030, định hướng đến năm 2050;

- Xây dựng và phát triển xã Quang Phục đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao làm cơ sở để phát triển thành đô thị loại V, góp phần vào sự phát triển chung của huyện Tứ Kỳ;

- Xây dựng xã Quang Phục phát triển bền vững trên cơ sở khai thác được các tiềm năng, lợi thế, khắc phục được những hạn chế; có sức hấp dẫn lớn về môi trường đầu tư nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và dịch vụ; phát triển bền vững hài hòa với môi trường; giữ vai trò tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã; xác định quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho từng khu dân cư mới và các thôn hiện trạng;

- Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ. Xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ xã và các thôn;

- Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn cũ. Xác định các chỉ tiêu quy hoạch, định hướng kiến trúc cho từng loại hình phù hợp với đặc điểm của địa phương;

- Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất công nghiệp, dịch vụ thương mại, phục vụ sản xuất nông nghiệp;

- Định hướng tổ chức các khu chức năng đặc thù trên địa bàn xã;

- Làm cơ sở, tạo hiệu quả sử dụng quỹ đất, để thu hút đầu tư xây dựng phát triển khu dân cư và triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng;

- Tăng cường quản lý, thu hút đầu tư; tạo nguồn nhân lực; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoàn chỉnh đồng bộ và hiện đại;

- Làm cơ sở pháp lý, để quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý kết nối các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn, tạo tiền đề để triển khai các dự án khả thi, tiền khả thi.

3. Quy mô dân số

- Tổng dân số toàn xã là 7.955 người;

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên được xác định 1,1%. Dự báo tăng dân số tự nhiên khoảng 698 người, tăng cơ học khoảng 3.517 người;

- Dự báo dân số đến năm 2030 là 12.170 người.

4. Quy hoạch không gian

Trên cơ sở các số liệu khảo sát, đánh giá hiện trạng và rà soát quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ, đồng thời dựa trên nhu cầu thực tế, đề xuất cơ cấu tổ chức không gian quy hoạch như sau:

- Xã Quang Phục được phát triển chủ yếu dọc theo tuyến đường Tỉnh 391 và tuyến đường Huyện 191B, từ đó phát triển ra các khu chức năng gồm: Hành chính, công cộng, giáo dục, dân cư mới, công nghiệp và dịch vụ. Trục cảnh quan khu vực trung tâm hành chính là điểm nhấn của xã, được quy hoạch hai bên đường Tỉnh 391;

- Quy hoạch vùng huyện Tứ Kỳ đã xác định có tuyến tránh đường Tỉnh 391 song song với đường Tỉnh 391 theo hướng Đông - Tây. Trên địa bàn xã có tuyến đường Tỉnh 391 theo hướng Tây Bắc - Đông Nam giáp khu vực trung tâm xã, tuyến đường Huyện 191B và 191E theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, tuyến đường Huyện 191H theo hướng Bắc - Nam và phía Bắc có tuyến đường gom Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, kết nối liên vùng tạo động lực và thuận lợi cho xã Quang Phục phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới;

- Cải tạo, mở rộng hệ thống các tuyến đường trục chính: Trục đường xã, các tuyến đường trục thôn, xóm. Các khu hạ tầng kỹ thuật bố trí đảm bảo an toàn, hợp vệ sinh môi trường;

- Các khu vực chức năng khác vẫn giữ nguyên và là nguồn đất dự trữ cho phát triển sau này.

5. Phân khu chức năng và quy hoạch sử dụng đất

a) Quy hoạch tổng thể phân khu chức năng gồm: Định hướng phát triển trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo thôn; hệ thống công trình công cộng, thương mại, dịch vụ, khu vực phát triển sản xuất công nghiệp; các khu vực sản xuất nông nghiệp và phục vụ sản xuất nông nghiệp.

b) Quy hoạch sử dụng đất:

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phân khu chức năng; các chỉ tiêu sử dụng đất được xác định theo bảng cơ cấu quy hoạch sử dụng đất.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng (ha)	Tăng (ha)	Giảm (ha)	Quy hoạch (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	685,76			685,76	100,00
I	Đất nông nghiệp	457,15			393,67	57,41
1	Đất sản xuất nông nghiệp	294,43			204,07	29,76
1.1	Đất trồng cây hàng năm	204,45			134,32	19,59
1.1.1	Đất trồng lúa	204,33	0,00	-70,13	134,20	19,57
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,12	0,00	0,00	0,12	0,02
1.2	Đất trồng cây lâu năm	89,98	0,00	-20,23	69,75	10,17
2	Đất nuôi trồng thủy sản	162,72	26,88	0,00	189,60	27,65
3	Đất nông nghiệp khác	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
II	Đất xây dựng	201,77			269,96	39,37
1	Đất ở hiện trạng	61,65	0,00	0,00	61,65	8,99
2	Đất ở mới	0,00	29,47	0,00	29,47	4,30
3	Đất công cộng	4,57			6,29	0,92
3.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,66	1,07	-0,34	1,39	0,20
3.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,65	0,38	-0,48	0,55	0,08
3.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	2,08	0,66	0,00	2,74	0,40
3.4	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,68	0,46	0,00	1,14	0,17
3.5	Đất chợ	0,47	0,00	0,00	0,47	0,07
3.6	Đất bưu điện- văn hóa xã, truyền dẫn năng lượng	0,03	0,00	-0,03	0,00	0,00
4	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,17	0,00	0,00	0,17	0,02
5	Đất cây xanh, thể dục thể thao	1,04			9,04	1,32
5.1	Đất cây xanh	0,00	3,74	0,00	3,74	0,55
5.2	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	1,04	4,26	0,00	5,30	0,77
6	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	1,79	0,00	0,00	1,79	0,26
7	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	21,26	8,24	0,00	29,50	4,30
8	Đất thương mại, dịch vụ	5,52	0,00	0,00	5,52	0,80

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng (ha)	Tăng (ha)	Giảm (ha)	Quy hoạch (ha)	Tỷ lệ (%)
9	Đất hạ tầng kỹ thuật	80,42			105,50	15,38
9.1	Đất giao thông	72,51	21,65	0,00	94,16	13,73
9.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,81	0,00	0,00	0,81	0,12
9.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	7,1	3,43	0,00	10,53	1,54
10	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	25,35	0,00	-4,32	21,03	3,07
III	Đất khác	26,84			21,53	3,14
1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	26,65	0,00	-5,31	21,34	3,11
2	Đất chưa sử dụng	0,19	0,00	0,00	0,19	0,03

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. San nền, thoát nước

- Đảm bảo tiêu thoát nước nhanh, không ngập lụt vào mùa mưa, không làm ảnh hưởng đến việc tiêu, thoát nước hiện có của khu vực lân cận;

- Đảm bảo độ dốc thoát nước tự chảy theo tiêu chuẩn;

- Tận dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đào đắp và hạn chế chiều cao đất đắp;

- Trên cơ sở cao độ của tuyến đê kênh thủy nông (*theo ranh giới phía Nam của xã*), đường Tỉnh 391, đường Huyện 191B, đường Huyện 191E, các tuyến đường trục xã, cao độ nền các lô đất trong các khu dân cư mới và các thôn cũ của xã Quang Phục; lựa chọn quy hoạch cao độ và độ dốc san nền như sau:

+ Thiết kế hướng dốc nền chung của khu vực từ Bắc xuống Nam;

+ Cốt cao độ thiết kế trung bình dự kiến +3,3m đến +3,6 m;

+ Độ dốc san nền đảm bảo thoát nước tự chảy $i=2\%$.

6.2. Giao thông

a) Giải pháp thiết kế:

- Hệ thống giao thông được tổ chức liên hoàn thuận tiện, bám sát địa hình tự nhiên, dọc theo các tuyến đường tổ chức hệ thống cây xanh cảnh quan, tạo bóng mát và không gian cảnh quan đẹp cho các tuyến đường;

- Các chỉ tiêu kỹ thuật của hệ thống giao thông nội bộ được thiết kế hợp lý, để phục vụ việc đi lại của nhân dân và các phương tiện tham gia giao thông một cách dễ dàng, thuận tiện;

- Đảm bảo thuận lợi cho bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến đường;

- Tận dụng tối đa hiện trạng, tránh phá dỡ nhiều công trình dân cư cũng như

các cơ quan trong khu vực;

- Thiết kế quy hoạch giao thông đảm bảo các yêu cầu về kinh tế, kỹ thuật, tiêu chuẩn quy phạm, mỹ quan khu vực.

b) Quy mô thiết kế

- Giao thông đối ngoại của xã có:

+ Tuyến đường Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tiếp giáp đường sắt tốc độ cao dự kiến có lộ giới 157,0m, mặt cắt A-A (15,5m (đường gom)+126,0m (các làn đường Cao tốc, đường sắt và hành lang)+15,5m (đường gom));

+ Quy hoạch đường tránh đường Tỉnh 391 theo hướng Đông - Tây, đầu nối tại thôn Bích Cẩm đi thị trấn Tứ Kỳ, quy mô đường cấp III đồng bằng, lộ giới 52,5m, mặt cắt 2-2 (14,5m(đường gom + vỉa hè)+38,0m (mặt đường, dải phân cách và vỉa hè));

- Đường Tỉnh 391, quy mô đường cấp III đồng bằng, chia thành 04 đoạn: Đoạn qua đất sản xuất công nghiệp, lộ giới 70,0m, mặt cắt 1-1 (gồm một làn đường Tỉnh, hai làn đường gom, khoảng lưu không hai bên đường Tỉnh và vỉa hè hai bên đường gom); Đoạn kết nối với thị trấn Tứ Kỳ, lộ giới 24,0m, mặt cắt 1A-1A (mặt đường 14,0m hành lang 5,0m mỗi bên); Đoạn kết nối với xã Tái Sơn, lộ giới 45,0m, mặt cắt 1CA-1C (mặt đường 12,0m, hành lang 16,5m mỗi bên); Đoạn qua khu dân cư thôn Bích Cẩm và thôn Thị Tứ, lộ giới 57,5m, mặt cắt 1B-1B (gồm một làn đường Tỉnh, một làn đường gom, khoảng lưu không hai bên đường tỉnh và vỉa hè một bên đường gom);

- Đường Huyện 191B, 191E và 191H, quy mô đường cấp IV, lộ giới 32,0m, mặt cắt 3-3 (mặt đường 9,0m hành lang 11,5m mỗi bên);

- Các tuyến đường trục xã, đường thôn gồm các đoạn có mặt cắt khác nhau: Đoạn lộ giới 11,5m đến 13,5m, mặt cắt 5-5 (mặt đường 7,5m hành lang 2,0m đến 3,0m mỗi bên); Đoạn lộ giới 9,5m, mặt cắt 4-4 (mặt đường 7,5m hành lang 1,0m mỗi bên).

6.3. Cấp điện

a) Nhu cầu sử dụng điện

- Dự báo phụ tải điện sinh hoạt: 1.826 kVA;

- Nhu cầu cấp điện cho các công trình công cộng, dịch vụ: $S_{ccdv} = 15\%Stt = 292$ kVA;

- Điện cho chiếu sáng và dự phòng: $S_{dp} = 10\%Stt = 271$ kVA;

- Điện cho sản xuất nhỏ trong dân cư: 1.704 kVA;

Tổng nhu cầu sử dụng điện toàn xã đến năm 2030 (hệ số $\cos\varphi = 0,8$): 4.316 kVA.

b) Nguồn điện trung áp 35KV lấy từ: Lộ 373.E8.7-110KV, Trạm biến áp 110KV Gia Lộc và Lộ 373.E8.13-110KV, Trạm biến áp 110KV Ngọc Sơn.

c) Phương án cấp điện dự kiến đến năm 2030

- Hiện xã có 09 trạm biến áp với tổng công suất 2.730 kVA;
- Dự kiến nâng cấp và xây dựng mới các trạm biến áp, để đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện cho toàn xã;
- Toàn bộ đường dây trung thế 35KV truyền tải điện đến các trạm biến áp của xã đều đi nổi trên cột;
- Đường dây hạ thế và chiếu sáng:
 - + Kết cấu lưới điện hạ thế 0,4KV theo mạng hình tia; mạng lưới điện hạ thế đi nổi trên cột chạy dọc theo các tuyến giao thông đến các khu dân cư. Sử dụng cột điện bê tông li tâm cao 8,5m ÷ 10,5m;
 - + Bố trí chiếu sáng các đoạn đường trục chính có mặt cắt đường từ 4,0m trở lên; đường dây điện trong các khu dân cư cũ bố trí đi nổi, kết hợp cấp điện hạ thế và chiếu sáng; trong các khu dân cư mới hình thành, điện hạ thế và chiếu sáng đi ngầm vỉa hè đường, đảm bảo mỹ quan.

d) Quy mô trạm biến áp phục vụ cấp điện

Dự kiến đến năm 2030 trên địa bàn xã có 12 trạm biến áp; trong đó giữ nguyên 05 trạm, nâng cấp công suất 04 trạm và xây dựng mới 03 trạm để đảm bảo nhu cầu dùng điện đến năm 2030. Quy mô trạm biến áp phục vụ cấp điện theo bảng sau:

STT	Tên trạm biến áp (TBA)	Công suất hiện trạng (kVA)	Công suất dự kiến (kVA)	Ghi Chú
1	TBA Đồng Tràng	180	320	Nâng Cấp
2	TBA Bơm Đồng Tràng	320	320	Giữ nguyên
3	TBA An Phòng	400	400	Giữ nguyên
4	TBA Bích Lâm	200	320	Nâng Cấp
5	TBA Bích Cẩm	320	320	Giữ nguyên
6	TBA thị tứ Quang Phục	560	560	Giữ nguyên
7	TBA Quang Phục	250	320	Nâng Cấp
8	TBA Mạc Xá	320	320	Giữ nguyên
9	TBA Thái An	180	320	Nâng Cấp
10	TBA QH 1		400	Quy hoạch mới
11	TBA QH 2		400	Quy hoạch mới
12	TBA QH 3		400	Quy hoạch mới
	Tổng công suất	2.730	4.400	

6.4. Hệ thống thông tin liên lạc

a) Dự báo phát triển theo quy mô dân số: Dân số dự kiến đến năm 2030 là 12.170 người; mật độ điện thoại cố định ($25 \div 30$ thuê bao/100 người); tỷ lệ sử dụng Internet đạt 100%.

b) Quy hoạch phát triển:

- Các dịch vụ thông tin hiện đại, đường dây thông tin liên lạc chạy trên vỉa hè trục chính của xã;

- Xây dựng các tuyến rãnh cáp chính theo các trục giao thông chính và các trục giao thông khu vực đến các tổ cấp; sử dụng cáp quang luồn trong ống HDPE xoắn D110 đặt trong vỉa hè, đi ngầm dưới vỉa hè đường giao thông.

6.5. Cấp nước

a) Xác định mục đích sử dụng nước:

- Nước cấp cho sinh hoạt; nước phục vụ công cộng, dịch vụ; nước thải thoát;

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030 là 1.758 m³/ngày đêm.

b) Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Sử dụng nguồn nước sạch lấy từ nhà máy nước Hưng Đạo;

- Đường ống cấp nước thiết kế là dạng mạng lưới kết hợp sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy; đường ống các trục chính có đường kính $\Phi 160$ mm, $\Phi 110$ mm, các trục nhánh có đường kính từ $\Phi 50$ mm. Trên bản vẽ là hệ thống đường trục chính, các đường trục phụ kết nối với đường trục chính theo nhu cầu sử dụng nước của các hộ dân cư;

- Thiết kế hệ thống cấp nước chữa cháy cho khu trung tâm và các khu dân cư hình thành mới (*đi kèm theo dự án*); Cấp nước chữa cháy kết hợp đặt các trụ cứu hỏa trên mạng đường ống phân phối $\Phi 110$ mm.

6.6. Hệ thống thoát nước mưa

a) Hướng thoát nước:

Căn cứ vào địa hình, thoát nước các thôn theo hướng từ Bắc xuống Nam, hệ thống thoát nước mưa chia làm 2 lưu vực chính:

- Lưu vực 1: Khu vực phía Đông - Bắc đường Tỉnh 391, thoát nước ra kênh tiêu Cầu Muồng - Ngòi La và thoát ra Trạm bơm Cầu Dừa;

- Lưu vực 2: Khu vực phía Tây - Nam đường Tỉnh 391, thoát ra kênh tiêu T7; trong đó một phần thoát ra sông Tứ Kỳ qua Trạm bơm Đồng Tràng và phần lớn thoát ra Trạm bơm Cầu Dừa;

b) Giải pháp thiết kế mạng cống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước được xây dựng chung cho cả nước mưa và nước thải; đối với các khu vực dân cư nông thôn hiện trạng thoát nước tự chảy;

- Thiết kế mạng cống thoát nước như sau:

+ Xây dựng mới, bổ sung và nâng cấp toàn bộ rãnh thoát nước ở các trục đường thôn, xóm thành các rãnh bê tông có nắp đậy;

+ Xây dựng hệ thống cống thoát trong khu dân cư mới;

+ Thiết kế hệ thống thoát nước mặt tự chảy, được bố trí dọc theo các tuyến đường trục giao thông chính, kết hợp các hố ga thu nước hàm ếch, để thu nước mặt; sử dụng hệ thống công bê tông cốt thép đường kính D500 ÷ D800 và các rãnh xây để thoát nước.

- Thường xuyên nạo vét bùn, cải tạo các kênh dẫn nước vào trạm bơm.

6.7. Hệ thống thoát nước thải

- Nước thải sản xuất công nghiệp được thu gom và xử lý riêng, đảm bảo yêu cầu nguồn tiếp nhận trước khi xả;

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải đảm bảo thu gom hết các loại nước thải của các khu dân cư (*nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*), xử lý thải đạt tiêu chuẩn rồi thoát vào hệ thống thoát nước chung của xã. Lắp đặt hệ thống công tròn bê tông cốt thép đường kính D300, độ dốc dọc đường công từ 0,30% theo trục đường quy hoạch mới, đường trục xã và đường trục các thôn, để thoát nước;

- Nước thải tại các khu dân cư mới được thiết kế riêng hoàn toàn; sau khi xử lý cục bộ tại bể tự hoại ở mỗi gia đình, được thoát ra hệ thống công bê tông kín, rồi thu gom về khu xử lý tập trung;

- Nước thải sản xuất công nghiệp được thu gom và xử lý riêng, đảm bảo yêu cầu nguồn tiếp nhận trước khi xả.

6.8. Các giải pháp bảo vệ môi trường

- Phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình; bố trí diện tích cây xanh cách ly khu nghĩa trang, nghĩa địa và khu dân cư;

- Gìn giữ đất mặt có khả năng canh tác của khu vực chưa sử dụng; phủ xanh các khu vực đất trống;

- Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nơi tập kết rác cho từng thôn và xử lý rác chung cho toàn xã;

- Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho 100% dân cư. Rác thải thu gom chở về bãi tập kết rác tại từng thôn, sau đó vận chuyển về bãi xử lý rác thải tập trung của huyện Tứ Kỳ (*Theo quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ*).

7. Đánh giá môi trường chiến lược

7.1. Hiện trạng môi trường

Xã Quang Phục được quy hoạch sản xuất nông nghiệp cây lúa, trồng rau màu và chăn nuôi thủy sản. Hiện trạng cây lúa, trồng cây rau màu đang sử dụng rất nhiều các loại phân bón hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật, hoạt động chăn nuôi sử dụng nhiều thức ăn công nghiệp; kết hợp với nguồn chất thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp là nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường đất và nguồn nước mặt.

Do vậy, hiện trạng môi trường nước mặt, nước ngầm; môi trường không khí, tiếng ồn; môi trường đất đang bị suy giảm và ô nhiễm.

7.2. Định hướng quy hoạch giảm thiểu tác động môi trường

Mục tiêu và định hướng quy hoạch xã Quang Phục đến năm 2030 là nghiên cứu các biện pháp, nhằm cải thiện chất lượng môi trường, giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động môi trường.

Thực hiện các biện pháp cụ thể, để loại bỏ, giảm bớt các tác động tiêu cực liên quan đến môi trường trong phạm vi quy hoạch chung.

Tuyên truyền, nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng, hỗ trợ thực hiện công tác bảo tồn, quản lý chất thải, công tác bảo vệ môi trường đối với các khu dân cư; xây dựng mô hình tổ chức, quản lý, thu gom và vận chuyển rác; khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng, các nguồn năng lượng, nhiên liệu sạch.

Lồng ghép các quy chuẩn về chất lượng môi trường, thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án xây dựng khu dân cư mới, khu tái định cư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu vực.

Bảo vệ nguồn nước trong khu vực nghiên cứu quy hoạch, gồm nước mặt sông Tứ Kỳ, ao hồ, kênh thủy lợi Cầu Muông - Ngòi La và kênh T7; quan trắc thực tế, kiểm soát, giám sát chất lượng môi trường nước trong quá trình phát triển đô thị.

Bảo vệ không gian các công trình di tích, văn hóa truyền thống; trong đó có phong tục tập quán, lễ hội truyền thống.

7.3. Các giải pháp quản lý, kỹ thuật bảo vệ môi trường

a) Bảo vệ môi trường

- Quy hoạch sử dụng đất khu dân cư mới, đảm bảo khoảng cách ly hợp lý với các khu vực nhạy cảm;

- Thiết kế, xây dựng hệ thống cấp nước và thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và khí thải. Rà soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, để từng bước có biện pháp xử lý;

- Phát triển không gian cảnh quan cây xanh, tạo điều kiện cải thiện môi trường nghỉ ngơi cho người dân.

b) Khai thác, sử dụng tổng hợp có hiệu quả tài nguyên nước

- Điều tra nghiên cứu khai thác nguồn nước sông Tứ Kỳ, thiết kế xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ và vừa, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong tương lai;

- Xử lý các nguồn nước thải gây ô nhiễm trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Xử lý bùn đất, rác thải tồn đọng ở các khu vực kênh tiêu quan trọng, các đoạn kênh và mương máng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

c) Các giải pháp về chính sách quản lý môi trường: Tăng cường phổ biến, tuyên truyền pháp luật, nâng cao nhận thức cho nhân dân về môi trường. Kiểm soát và hướng dẫn thực thi pháp luật về môi trường thường xuyên, có hiệu quả; xử lý sai phạm phải kịp thời và kiên quyết.

8. Các chương trình, dự án ưu tiên, giải pháp huy động nguồn lực:

Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư cho các giai đoạn, để thực hiện quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển, được chia thành 2 giai đoạn năm 2021- 2025 và 2025 - 2030.

(Nội dung quy hoạch và các chỉ tiêu chi tiết tại hồ sơ thuyết minh và phương án quy hoạch kèm theo).

III. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:

Nội dung chi tiết theo Quy định quản lý đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030, do Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn lập, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định kèm theo.

Điều 2. Giao UBND xã Quang Phục chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố quy hoạch được duyệt, đảm bảo đúng thời gian theo quy định; thực hiện việc cấm mốc, quản lý quy hoạch theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính – Kế hoạch huyện; Chủ tịch UBND xã Quang Phục; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Thường trực Huyện ủy;
 - Thường trực HĐND huyện;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
 - Lưu: VT, KTHT.
- } (để báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Văn Soái